



16/03/22

# **DAILY** MORNING

**Nga cấm nhập cảnh đối với  
quan chức cấp cao Mỹ**



|                   | 16/3     | % Sáng<br>16/3 | 15/3     | % Ngày<br>15/3 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|----------------|----------|----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                | 1,452.74 | 0.45%          | -1.42% | -3.26%  |
| S&P 500           |          |                | 4,262.45 | 2.14%          | 2.20%  | -5.36%  |
| S&P500<br>Futures | 4,243.75 | -0.24%         | 4,253.75 | 2.17%          | -0.54% | -3.63%  |
| Shanghai          |          |                | 3,063.97 | -4.95%         | -6.97% | -11.52% |
| Euro Stoxx        |          |                | 3,738.11 | -0.08%         | 6.64%  | -10.04% |

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | PTKT                |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"><li>Moskva công bố 13 nhân vật cấp cao của Mỹ bị cấm nhập cảnh Nga, trong đó có Tổng thống Joe Biden và các quan chức hàng đầu của Washington. Trong danh sách bị cấm nhập cảnh Nga có Ngoại trưởng Mỹ Antony Blinken, Bộ trưởng Quốc phòng Lloyd Austin, Giám đốc Cơ quan tình báo trung ương (CIA), Cố vấn an ninh quốc gia Jake Sullivan và những người khác. Cựu Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton cũng có tên trong danh sách này.</li><li>Nhằm hỗ trợ thêm cho Ukraine, Ngân hàng Thế giới (World Bank) đã phê duyệt khoản hỗ trợ bổ sung, trị giá 200 triệu USD. Còn Liên hợp quốc công bố khoản hỗ trợ khẩn cấp, trị giá 40 triệu USD. Số tiền mà WB phê duyệt nhằm tăng cường bảo vệ những người dễ bị tổn thương tại Ukraine trong bối cảnh Nga triển khai chiến dịch quân sự đặc biệt tại Ukraine. Còn khoản hỗ trợ khẩn cấp của Liên hợp quốc công bố là nhằm hỗ trợ người dân Ukraine tiền mặt, lương thực, thuốc men và nơi trú ẩn.</li></ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Kháng cự 4500       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Hỗ trợ 4000         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Xu hướng Tích lũy   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Kháng cự 3700       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Hỗ trợ 3300         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Điểm PTKT TRUNG LẬP |

S&P 500 6 tháng gần nhất



Nguồn: Bloomberg, BSC

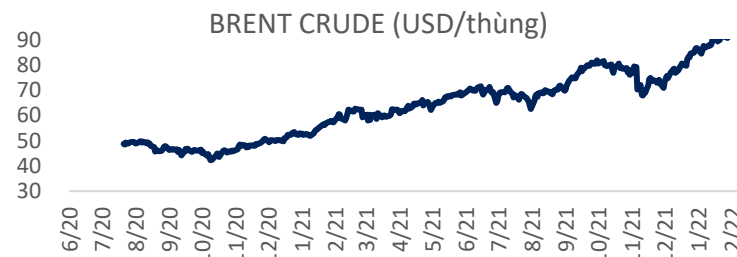
Shanghai Composite Index 6 tháng gần nhất



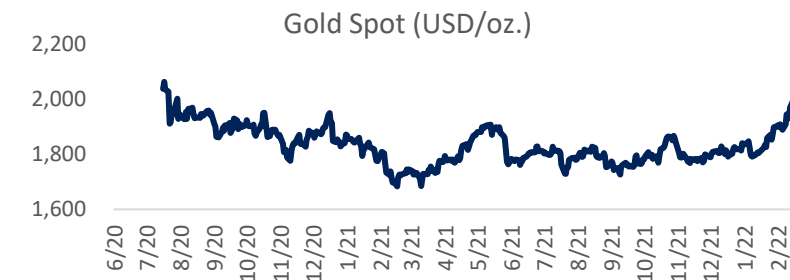
| Mặt hàng     | Đơn vị   | 16/3     | % Sáng 16/3 | 15/3    | % 15/3 | % Tuần  | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|-------------|---------|--------|---------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 97.31    | 0.90%       | 96.44   | -6.38% | -10.48% | 6.44%   | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 101.12   | 1.21%       | 99.91   | -6.54% | -9.02%  | 7.11%   | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USD/gal. | 300.00   | 0.06%       | 299.81  | -5.39% | -8.92%  | 4.43%   | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,921.94 | 0.21%       | 1917.94 | -1.69% | -3.51%  | 2.71%   | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 24.96    | 0.26%       | 24.89   | -0.61% | -3.17%  | 4.68%   | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USD/bu.  | 1,662.25 | 0.21%       | 1658.75 | 0.00%  | -0.57%  | 4.79%   | HKB                | DBC, QNS           |
| WHEAT        | USD/bu.  | 1,145.75 | -0.74%      | -0.05   | 0.00%  | -4.64%  | 42.51%  | AFX                |                    |
| MILK         | USD/cwt. |          |             | 23.39   | -0.09% | -3.59%  | 1.96%   | KDC                | VNM, GTN, QNS      |
| RUBBER       | JPY/kg.  | 243.00   | -0.78%      | 244.90  | 1.79%  | -1.82%  | -4.78%  | SRC, CSM, DRC      | DPR, PHR, HAG, HNG |
| SUGAR        | USD/lb.  |          |             | 18.73   | -2.09% | -3.60%  | 4.70%   | VNM, GTN, QNS      | SBT, LSS, SLS, QNS |
| COFFEE       | USD/lb.  |          |             | 211.15  | -3.50% | -9.34%  | -17.28% | VCF, CTP           | CTP, DLG           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |             | 9904.00 | -0.31% | -2.99%  | 0.44%   | CAV, SAM, TGP, VTH | MSN, ACM, BGM      |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 4,826.00 | 1.58%       | 4751.00 | -0.86% | -2.39%  | -0.74%  | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |             | 3277.50 | -1.27% | -6.30%  | 4.50%   |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 771.50   | 0.92%       | 764.50  | -3.53% | -7.55%  | -0.64%  | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |             | 346.00  | -4.35% | -18.23% | 57.27%  | HT1, BCC, PPC, POW | HLC, NBC, TNT, THT |

Ghi chú: USD = US Cent

Giá dầu giảm hơn 6%, xuống mức thấp nhất trong gần ba tuần, sau khi Nga đề xuất trong tương lai sẽ cho phép khôi phục thỏa thuận hạt nhân Iran và các nhà giao dịch lo ngại đại dịch đang gia tăng ở Trung Quốc có thể làm giảm nhu cầu.



Nguồn: Bloomberg, BSC



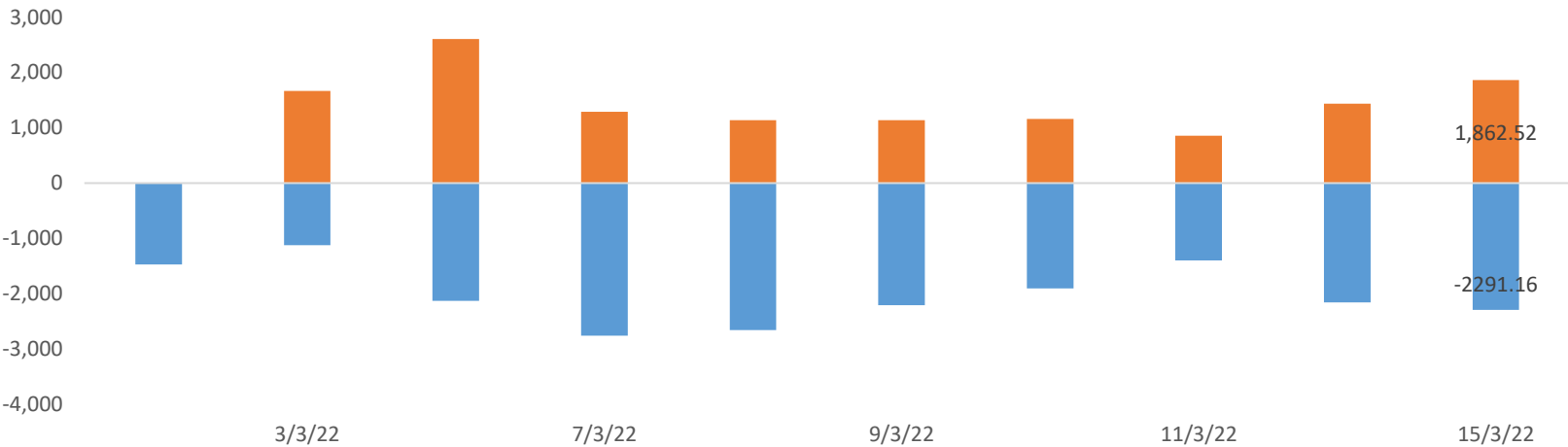
Nguồn: Bloomberg, BSC



# ETF Diamond, Finlead giảm quy mô

| ETF        | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |       |       |       | Nhận định                                                                                                                                                                                           |
|------------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|-------|-------|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W    | 1M    | 3M    |                                                                                                                                                                                                     |
| VNM        | 498.9            | 18.6            | (0.1)              | -1.2%        | -0.9                      | -16.0 | -16.6 | -27.3 | ETF Diamond, Finlead giảm quy mô, các ETF còn lại có trạng thái cân bằng và giữ nguyên quy mô.<br>Khối ngoại mua ròng ở thị trường Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan và bán ròng ở các thị trường còn lại. |
| FTSE       | 351.8            | 42.6            | -                  | -2.9%        | 0.0                       | -0.9  | -4.7  | -10.4 |                                                                                                                                                                                                     |
| iShare     | 479.1            | 0.0             | -                  | 0.0%         | 0.0                       | 0.0   | 0.0   | 0.0   |                                                                                                                                                                                                     |
| E1VFN30    | 406.2            | 1.1             | 0.0                | -0.9%        | 0.0                       | -7.1  | -38.9 | -55.6 |                                                                                                                                                                                                     |
| FUEVFN30   | 622.2            | 1.2             | (1.7)              | -1.7%        | -2.1                      | -15.4 | 23.4  | 19.7  |                                                                                                                                                                                                     |
| FUBON FTSE | 483.1            | 0.6             | -                  | 0.3%         | 0.0                       | 0.0   | 0.9   | 51.0  |                                                                                                                                                                                                     |
| FUESSVFL   | 160.5            | 1.0             | (0.5)              | 0.5%         | -0.5                      | -3.1  | 1.3   | 11.3  |                                                                                                                                                                                                     |
| FUESSVN30  | 4.6              | 0.8             | (0.0)              | 1.3%         | 0.0                       | 0.0   | 0.1   | 0.2   |                                                                                                                                                                                                     |
| FUEMAVN30  | 29.1             | 0.8             | 0.0                | -0.6%        | 0.0                       | 0.0   | 0.0   | 0.0   |                                                                                                                                                                                                     |
| VN100      | 8.3              | 0.9             | (0.0)              | -1.2%        | 0.0                       | 0.9   | 1.7   | 2.4   |                                                                                                                                                                                                     |
| KIM        | 173.2            | 18.6            | -                  | -0.9%        | 0.0                       | 0.0   | 0.0   | 0.0   |                                                                                                                                                                                                     |
| PREMIA     | 28.8             | 12.2            | -                  | -1.0%        | 0.0                       | 0.0   | 0.0   | 0.8   |                                                                                                                                                                                                     |

| Khối ngoại (tr. USD)                                  | Ngày     | Lũy kế từ đầu tuần | Lũy kế từ đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|----------|--------------------|---------------------|
| Việt Nam                                              | -15.98   | -44.80             | -262.58             |
| ASEAN4*                                               | -15.21   | 92.09              | -74.29              |
| Ấn Độ                                                 | 126.86   | 126.86             | -4892.37            |
| Đài Loan                                              | -1937.97 | -2555.96           | -11185.20           |
| Hàn Quốc                                              | -70.53   | -1430.08           | -4681.75            |
| Nhật Bản                                              |          | (7,928.06)         | -7928.10            |
| Trung Quốc                                            |          |                    | 32195.62            |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |          |                    |                     |
| Credit Default Swap                                   |          | MoM %              |                     |
| Việt Nam                                              |          | 22.59              |                     |
| Thái Lan                                              |          | 17.94              |                     |
| Singapore                                             |          | 22.59              |                     |
| Phillippines                                          |          | 20.93              |                     |
| Malaysia                                              |          | 27.17              |                     |



Nguồn: Fiinpro, BSC

# Sắc xanh trở lại

## Tin vĩ mô

- Bộ trưởng Giao thông vận tải Nguyễn Văn Thể vừa chủ trì cuộc họp trực tuyến, yêu cầu rà soát, đẩy nhanh tiến độ dự án xây dựng sân bay Long Thành. Các dự án thành phần 1,2, 4 do vướng mắc về cơ chế chính sách nên tiềm ẩn nguy cơ chậm tiến độ. Công tác lựa chọn nhà thầu gói TV03 đã bị chậm 2 tháng so với tiến độ đã được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận.
- Bốn tháng sau khi khai trương cửa khẩu quốc tế Nam Giang (Quảng Nam, Việt Nam) - Dak Taook (Sekong, Lào), tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa qua cửa khẩu Nam Giang đạt hơn 62 triệu USD năm vừa qua, tăng gấp đôi so với 2020. Tuyến vận chuyển qua cửa khẩu quốc tế Nam Giang - Dak Taook hiện là con đường ngắn nhất kết nối Đông Thái Lan, Nam Lào với cảng quốc tế Chu Lai.
- UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn 2B. Dự án tuyến đường ven biển dài 6.55 km được chia làm ba đoạn tuyến trong đó đoạn dài nhất hơn 3 km kết nối đường hiện hữu với đô thị Vạn Tường, huyện Bình Sơn. Tổng chi phí đầu tư xây dựng dự án là 899.4 tỷ đồng, trong đó chi phí xây dựng hơn 595 tỷ đồng.

## Thông số kỹ thuật

|          |           |
|----------|-----------|
| Xu hướng | Hồi phục  |
| Chỉ báo  | Trung lập |
| Kháng cự | 1500      |
| Hỗ trợ   | 1440      |



Nguồn: Trading view, BSC

- MBB: Ngày 25/3 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022. Theo đó, Đại hội dự kiến được tổ chức vào ngày 25/4/2022 tại TP. Hà Nội, chi tiết sẽ được thông báo sau.
- OCB: Kế hoạch kinh doanh trong năm 2022 của OCB dự kiến mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận ở mức 25 - 30%, ROE trên 20%; duy trì mức cổ tức từ 20 - 25% cho cổ đông.
- BWE: 2 tháng đầu năm nay, Công ty ghi nhận tổng doanh thu đạt 626 tỷ đồng, tăng 27% và lợi nhuận sau thuế đạt 141 tỷ đồng, tăng 16%.
- DGW: Năm 2022, Công ty lên kế hoạch doanh thu thuần đạt 26.300 tỷ đồng và lãi sau thuế 800 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng hơn 25% và gần 22% so với thực hiện năm 2021. Về kế hoạch chia cổ tức năm 2021, DGW dự kiến trả cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ 10%. Thời gian thực hiện trong quý II/2022. HĐQT sẽ trình cổ đông phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện quyền là 80%. Đồng thời, Công ty dự kiến phát hành tối đa 2,5% số lượng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), giá bán là 10.000 đồng/CP.
- STK: Năm 2022, Sợi Thế Kỷ đặt kế hoạch kinh doanh đạt 2.605,7 tỷ đồng, tăng 27,6% so với thực hiện năm 2021 và lợi nhuận sau thuế đạt 300,2 tỷ đồng, tăng 7,9%. Về phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, STK dự định chào bán 13,5 triệu cổ phiếu phổ thông, tương đương tỷ lệ 19,08% cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước. Đồng thời, Công ty cũng trình cổ đông phương án chào bán 1,5 triệu cổ phiếu quỹ theo hình thức chào bán riêng lẻ hoặc thỏa thuận, khớp lệnh.
- NHA: Năm 2022, Công ty đặt kế hoạch doanh thu là 260 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 46 tỷ đồng. Như vậy, so với thực hiện năm 2021, lợi nhuận năm 2022 ước tính bằng 19,3 lần so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, công ty dự kiến cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 10%.
- TDH: Ngày 14/3 đã nhận được đơn từ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT và rút khỏi HĐQT của ông Lữ Minh Sơn.
- GMH: Ngày 24/3 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 25/3. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 13/4/2022.
- HID: Đã thông qua việc triển khai phát hành 50 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý I-II/2022.
- ELC: Đã thông qua việc triển khai phát hành hơn 18,84 triệu cổ phiếu mới. Trong đó, hơn 7,63 triệu cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 100:15 và hơn 11,2 triệu cổ phiếu chào bán theo tỷ lệ 100 -12, với giá chào bán 11.500 đồng/cổ phiếu.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*



# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thaiholdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639



### DANH MỤC BÁO CÁO BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR để đọc thêm)*



### CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app zalo để tham gia)*